

Bản án số: 07/2022/DS-PT

Ngày 04/3/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Luật

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Hùng Đ, bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: 33A Lê Thế H khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Hữu Nam P và bà Đặng Thị N.

Địa chỉ: 31A Lê Thế H khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; ông P có mặt, bà N vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị N: Ông Đỗ Hữu Nam P; địa chỉ: Khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trương Thị Diệu L, sinh năm 1996; địa chỉ: 33A Lê Thế H khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Trương Thị Diệu L: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: 33A Lê Thế H khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018); có mặt.

- Chị Đỗ Ánh N, sinh năm 1989, chị Đỗ Ánh H, sinh năm 1993 và anh Đỗ Đăng A, sinh năm 2000; cùng địa chỉ: Khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Đỗ Ánh N, chị Đỗ Ánh H và anh Đỗ Đăng A: Ông Đỗ Hữu Nam P; địa chỉ: Khu phố 8, Phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2018); có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trương Hùng Đ, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2018, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/02/2018, ngày 27/02/2018, 28/02/2018, 05/3/2018, 14/3/2018, 20/3/2018 và 30/3/2018, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1993, gia đình ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang L diện tích $195m^2$, kích thước thửa đất có các cạnh: Mặt tiền 6,5m; mặt hậu 6,5m; chiều dài 30m được trích từ giấy cấp đất của ông L số 585/QĐUB vào năm 1983. Giữa gia đình bà H và gia đình ông P có một con mương làm ranh giới giữa hai nhà, gia đình bà sử dụng mặt tiền 6,5m được 03 năm, đến năm 1995 ông L chiếm dụng 0,4m, đầu năm 1996 gia đình bà lấp con mương, thì bà Đặng Thị Minh T(chị gái bà N) cho rằng đó là đất của bà T và giao lại cho ông P, bà N sử dụng, lấn chiếm mặt tiền của gia đình bà H 0,88m. Đến khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà H đành chấp nhận viết lại hợp đồng chuyển nhượng 5,31m mặt tiền. Căn cứ ông Đ bà H cho rằng gia đình ông P lấn chiếm mặt tiền 0,88m là theo giấy cấp đất của ông L thì hiện nay mặt tiền đất ông L 13m, mặt tiền đất của nhà bà H 5,31m, tổng số mặt tiền hai gia đình 18,31m, phần mặt tiền của ông L còn lại 1,7m, trong đó, ông P chiếm đoạt 0,88m; 0,81m nằm trong đất ông H (hộ liền kề ông L). Như vậy, mặt tiền thửa đất của gia đình ông Đ bà H phải là 6,5m (hợp đồng chuyển nhượng đất của bà H đã bị thất lạc). Hiện nay mặt tiền còn 5,31m, nên hộ ông P lấn chiếm đất của Ông Bà $5,94m^2$.

Năm 1996 gia đình ông Đỗ Hữu Nam P và bà Đặng Thị Ntrông hàng rào dâm bụt trên phần đất mà bà ông Đ, bà H đổ đất lấp con mương nên đã lấn sang phần đất của hộ bà H diện tích lấn chiếm phía trước bên phải của thửa đất chiều ngang 0,88m, chiều dài 13,5m diện tích $5,94m^2$; diện tích lấn chiếm phía sau bên phải của thửa đất chiều ngang 0,2m, chiều dài 12m, diện tích $1,2m^2$. Nay ông Đ, bà H yêu cầu Tòa án

buộc ông P, bà N phải trả lại đất và bồi thường thiệt hại phần đất đã lấn chiếm cụ thể như sau:

1. Yêu cầu gia đình ông P, bà N trả lại: $5,94\text{m}^2$ đất. Trong đó, trả một phần diện tích đất $3,08\text{m}^2$ đã lấn chiếm gồm phía trước bên phải của thửa đất đang làm sân ($0,88\text{m} \times 3,5\text{m}$), phần diện tích $2,86\text{m}^2$ ông Đ bà H yêu cầu trả bằng tiền là: $2,86\text{m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 57.200.000 \text{ đồng}$;

2. Yêu cầu gia đình ông P, bà N tháo dỡ đường ống dẫn nước dài 13m nằm trên hiên nhà của ông Đ, bà H, tháo dỡ mái che tầng 1 dài $0,88\text{m} \times 3,5\text{m} = 3,08\text{m}^2$; cửa be 2 tầng của ông P rộng $0,88\text{m}$, dài $1,2\text{m}$; trả phần lấn chiếm mặt hậu $0,2\text{m} \times 12\text{m}/2 = 1,2\text{m}^2$, tháo dỡ bức tường bếp $0,4\text{m} \times 0,1\text{m} = 0,4\text{m}^2$.

3. Yêu cầu bồi thường số tiền là:

- Số tiền thuê mặt bằng xây dựng $5,94\text{m}^2$ trong 21 năm là: $200.000 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}/\text{năm} \times 21 \text{ năm} = 50.400.000 \text{ đồng}$;

- Tiền thuê mặt bằng đặt ống dẫn nước 17 năm: $200.000 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 17 \text{ năm} = 40.800.000 \text{ đồng}$;

- Số tiền thuê mặt bằng xây dựng tường bếp 10 năm $\times 100.000 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 10 \text{ năm} = 12.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền đập tarat: $2.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền đập phào chỉ: $2.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền đập cột trụ bếp: 500.000 đồng ;

Tổng cộng: $165.900.000 \text{ đồng}$;

Ngoài ra, ông Đ, bà H yêu cầu Tòa án xem xét tính pháp lý của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Đỗ Hữu Nam P, bà Đặng Thị N và đề nghị chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trong Văn bản trình bày ngày 25/4/2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Hữu Nam P và bà Đặng Thị N trình bày:

Năm 1993, gia đình ông Đỗ Hữu Nam P, bà Đặng Thị N được ông Trần Văn Y, bà Đặng Thị Minh T (bà T là chị gái của bà N) vừa bán, vừa cho (phần bán nằm trong quyết định cấp đất của vợ chồng ông Y, phần cho trong phần đất vườn, khai hoang) phần đất trong quyết định tách ra 140m^2 , còn lại đất vườn có chiều dài khoảng 48m , cạnh chiều dài khoảng 47m có ranh giới liền kề đất ông Nguyễn Quang L ngăn cách bởi một hàng rào cây xanh ra đến mương nước thải xã hội, chiều rộng mặt tiền giáp đường $7,88\text{m}$ (hướng Tây Bắc, nay là đường Lê Thế Hiếu), chiều rộng mặt hậu $11,78\text{m}$. Có tổng diện tích tạm tính 495m^2 bao gồm 288m^2 đất ở, còn lại đất vườn. Phần đất vườn này đang sử dụng chưa cấp sổ đỏ vì khi Nhà nước đến đo đạc gia đình ông P đi vắng. Một năm sau, ông Trương Hùng Đ nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Quang L, về ở liền kề với hộ ông P và kế thừa nguyên trạng ranh

giới của ông L với ông P. Năm 1995-1996 ông Đ cưới bà H về ở cùng kế thừa nguyên trạng này. Năm 2000, Nhà nước đo đạc lại, quy hoạch, tổng thể hiện trạng thực tế của từng hộ gia đình, thửa đất của gia đình ông đang ở có bản vẽ sơ đồ kỹ thuật rõ ràng. Đến ngày 24/6/2003, gia đình Ông được UBND thị xã (nay là thành phố) Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X544515 với diện tích 288m², có các cạnh: Giáp đường Lê Thế Hiếu dài 7,88m, cạnh giáp đất hộ ông Trương Hùng Đ có chiều dài 22.15m+7.77m+3.25m, cạnh giáp đất hộ ông Trần Văn Y 34.02m và cạnh giáp đất chưa giao dài 9.40m; gia đình Ông sử dụng ổn định từ đó đến nay, không có tranh chấp với ai. Nay vợ chồng ông Đ, bà H khởi kiện, ông P có ý kiến như sau:

- Phần đất phía trước 0,88m gia đình Ông không lấn chiếm nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn phải trả lại diện tích đất 5,94m² và bồi thường số tiền 165.900.000 đồng.

- Theo kết quả đo đạc của Phòng Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Trị ngày 20/5/2020 thì điểm cọc bê tông gia đình ông P trồng chồng lấn trên phần đất bà H có diện tích 2,68m² đây là phần đất phía sau. Do giữa hai gia đình đất sử dụng làm vườn chưa có hàng rào cố định, chỉ có cây cối làm ranh giới. Sau khi có kết quả đo vẽ ông P có đề nghị Tòa án làm văn bản gửi Phòng Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Trị cử cán bộ đo đạc về xác định lại vị trí ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa hai gia đình, hiện nay ông P đã điều chỉnh lại cọc bê tông theo đúng vị trí mà cán bộ đo đạc xác định.

Sau khi ông P điều chỉnh cọc bê tông, bà H đã tự xác định lại ranh giới phía sau nên đã lấn chiếm ông P một số diện tích, đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà H trả lại diện tích đất đã lấn chiếm nói trên cho ông P, bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X544515 do UBND thị xã Đông Hà cấp ngày 24/6/2003 với diện tích 288m² cấp cho hộ gia đình ông P là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật. Năm 2003, hai hộ ông Đ bà H và ông P bà N đã ký xác nhận ranh giới hộ liền kề cho nhau. Trên cơ sở đó UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ gia đình, sử dụng ổn định, ranh giới vẫn còn nguyên trạng. Việc ông Đ bà H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ nên không đồng ý với yêu cầu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Diệu L: Có ý kiến trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Đ, bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Ánh N, chị Đỗ Ánh H và anh Đỗ Đặng A: Có ý kiến Thống nhất với ý kiến của ông P, bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2021/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

1. Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158; Điều 159; Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 166; Khoản 1 Điều 170; Điều 203 Luật đất đai, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc hộ ông Đỗ Hữu Nam P bà Đặng Thị N phải trả cho ông Đ bà H 5,94m² đất đã lấn chiếm và trả số tiền 165.900.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn buộc ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.574.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải chịu 300.000 đồng án phí tranh chấp quyền sử dụng đất và 8.295.000 đồng án phí yêu cầu bồi thường. Và tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/12/2021, ông Đ, bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo thẩm quyền. Đồng thời nộp đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bác đơn kháng cáo của ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H, sửa một phần án sơ thẩm về án phí dân sự, không buộc ông Đ, bà H phải chịu án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Ông Trương Hùng Đ, bà Nguyễn Thị H khởi kiện cho rằng ông Đỗ Hữu Nam P và bà Đặng Thị N lấn chiếm diện tích đất 5,94m² của gia đình Ông Bà, do đó xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, đương sự cư trú tại thành phố Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo quy

định tại Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền xét xử:

Tòa cấp sơ thẩm nhận định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự được cấp hoàn toàn hợp pháp, đúng pháp luật không có căn cứ để hủy nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Đ là đúng quy định.

[1.3] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Hùng Đ, bà Nguyễn Thị H phù hợp với các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xem xét nguồn gốc quyền sử dụng đất của nguyên đơn:

Năm 1993, ông H bà Đ nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Quang L diện tích 170m² đất. Sau khi có đơn xin cấp đổi quyền sử dụng đất và trên cơ sở đề nghị, xác nhận của Phòng quản lý đô thị địa chính thị xã Đông Hà về nguồn gốc và hiện trạng khu đất thì gia đình ông Đ, bà H đang sử dụng 258m² (thừa 88m² đất ngoài quyết định chuyển nhượng từ ông L), ông Đ bà H đã làm nhà ở ổn định từ tháng 3/1993 (theo Biên bản họp xét thời điểm của Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phường 1) và không có tranh chấp. Nên vào ngày 02/6/2003, ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 556227 ngày với diện tích 258m², có các cạnh: cạnh giáp mặt đường Lê Thế Hiếu dài 5,31m, cạnh giáp đất hộ ông Nguyễn Quang L dài 41.31m, cạnh giáp đất hộ ông Đỗ Hữu Nam P chiều dài (22.15+7.77+3.25 có cạnh 9.20 m là đất chưa giao) và cạnh giáp nương nước 6.77m. Sau khi nhận quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự không có ý kiến về nội dung các quyết định.

Xem xét nguồn gốc quyền sử dụng đất của bị đơn: Gia đình ông Đỗ Hữu Nam P được UBND tỉnh Quảng Trị giao quyền sử dụng đất tại Quyết định số 1325/QĐ-UB ngày 17/11/1993 diện tích 140m² đất. Dựa theo số L đo đạc của Trung tâm kỹ thuật địa chính Quảng Trị. Phòng quản lý đô thị địa chính thị xã Đông Hà xác định nguồn gốc và hiện trạng khu đất thì gia đình ông P làm nhà ở ổn định từ năm 1993 (theo Biên bản họp xét thời điểm của Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phường 1) và không có tranh chấp, quy mô khu đất có diện tích 288m². Trên cơ sở đề nghị của Phòng quản lý đô thị địa chính thị xã Đông Hà nên gia đình ông P được UBND thị xã Đông Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X544515 ngày 24/6/2003 với diện tích 288m², có các cạnh: Giáp đường Lê Thế Hiếu dài 7,88m, cạnh giáp đất hộ ông Trương Hùng Đ có chiều dài 22.15m+7.77m+3.25m, cạnh giáp đất hộ ông Trần Văn Yến 34.02m và cạnh giáp đất chưa giao dài 9.40m; hồ sơ có chữ ký xác nhận hộ liền kề của ông Trương Hùng Đ.

Mặt khác, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/4/2021 thể hiện: Mặt ngoài trụ công của nhà ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H nằm trên phần diện tích đất đã cấp cho hộ bà Đặng Thị N và ông Đỗ Hữu Nam P là 0,12cm. Tổng diện tích ông Đ và bà H đang sử dụng là 309,7m², trong đó: diện tích nằm trên ranh giới pháp lý của đất hộ bà N, ông P là 24,6m², phần diện tích chưa giao là 3m², phần còn lại nằm trong ranh giới giữa đất của ông Đ, bà H và đất ông L.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Đ, bà H không xuất trình được tài L, chứng cứ nào để chứng minh vợ chồng họ đã nhận chuyển nhượng của ông L cạnh mặt tiền đường Lê Thế Hiếu là 6,5m. Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài L, chứng cứ khác thể hiện đất của hộ ông Đ xác định vợ chồng họ nhận chuyển nhượng từ ông L cạnh giáp đường Lê Thế Hiếu chỉ có 5,31m, các cạnh còn lại đều được xác định kích thước, vị trí, ranh giới cụ thể, các hộ gia đình sử dụng ổn định và đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho nên nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện cho rằng bị đơn đã lấn chiếm diện tích 5,94m² là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn tháo dỡ đường ống dẫn nước dài 13m nằm trên hiên nhà của ông Đ, bà H, tháo dỡ mái che tầng 1 dài 0,88m x 3,5m = 3,08m²; cửa be 2 tầng của ông P rộng 0,88m, dài 1,2m; trả phần lấn chiếm mặt hậu 0,2m x 12m/2 = 1,2m², tháo dỡ bức tường bếp 0,4mx0,1m= 0,4m² và yêu cầu bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 165.900.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn ông P, bà N không lấn chiếm đất của nguyên đơn, nhưng nguyên đơn đã có yêu cầu tháo dỡ một phần các công trình kiến trúc gồm be nhà ở, tường bếp, đường ống dẫn nước... và buộc bị đơn phải bồi thường tiền công, tiền thuê đất. Hội đồng xét xử thấy cách tính của nguyên đơn để yêu cầu bị đơn bồi thường là suy diễn, không có căn cứ pháp luật. Cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc hộ gia đình ông P phải trả lại 5,94m² đất đã lấn chiếm và không chấp nhận yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 165.900.000 đồng là có cơ sở pháp luật.

Do đó, toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận.

[4]. Về án phí.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí tranh chấp quyền sử dụng đất và 8.295.000 đồng án phí yêu cầu bồi thường có giá ngạch là đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H đã xuất trình đơn yêu cầu xin miễn tiền án phí. Đây là tình huống mới, phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm và Hội đồng xét xử cần xem xét, giải quyết theo quy định của pháp

luật. Xét thấy, ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cấp phúc thẩm cần chấp nhận yêu cầu của họ là có căn cứ. Vì vậy cần sửa phần án phí sơ thẩm đối với ông Đ, bà H theo hướng họ không phải chịu án phí sơ thẩm do phát sinh tình huống mới và họ được miễn phần án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H về việc xin miễn tiền án phí để sửa về án phí sơ thẩm. Ông Đ, bà H được miễn án phí dân sự phúc thẩm như quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu 5.574.000 đồng (*năm triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn đồng*).

Đối với các yêu cầu khác của nguyên đơn không thuộc phạm vi xét xử của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Không liên quan đến vụ án dân sự nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn: ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H về yêu cầu khởi kiện " Tranh chấp Quyền sử dụng đất", giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158; Điều 159; Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 166; Khoản 1 Điều 170; Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về việc buộc hộ ông Đỗ Hữu Nam P bà Đặng Thị N phải trả cho ông Đ bà H 5,94m² đất đã lấn chiếm, buộc tháo dỡ một phần các công trình trên đất và trả số tiền theo yêu cầu là 165.900.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: ông Trương Hùng Đ, bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm và án phí yêu cầu bồi thường. Hoàn trả lại cho ông Đ, bà H số tiền 4.147.000 (*Bốn triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2014/0009014 ngày 20/3/2018 và số AA/2014/0009061 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn, ông Trương Hùng Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.574.000 đồng (*năm triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp đủ.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND Tp. Đông Hà;
- VKSND Tp. Đông Hà;
- Chi cục THADS Tp. Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Viết Nam